

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC LAO ĐỘNG
V/v yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Thành phần giải quyết việc lao động gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Nguyễn Thị Ngân.

Thư ký phiên họp: Ông Lê Duy Long, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên họp: Bà Nguyễn Thuý An - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc lao động thụ lý số: 48/2024/TLST-LĐ ngày 01 tháng 4 năm 2024, về việc: “Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu”, theo Quyết định mở phiên họp số: 23/2024/QĐST-LĐ ngày 09 tháng 4 năm 2024, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- **Người yêu cầu giải quyết việc lao động:** Bà Ngô Thị T, sinh năm 1990; địa chỉ: 2 đường A, khu phố B, phường A, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà Ngô Thị T1, sinh năm 1992; địa chỉ: Số F, đường H, khu phố Đ, phường Đ, thành phố D, tỉnh Bình Dương, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2. Công ty TNHH C1; địa chỉ: Lô A, đường số B, Khu công nghiệp S, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Bà Ngô Thị C, sinh năm 1979; địa chỉ: 3 L, khu phố C, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương; là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 09/4/2024), có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

3. Bảo hiểm xã hội thành phố D, tỉnh Bình Dương; địa chỉ: Khu T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Ông Dương Văn T2; chức vụ: chuyên viên Bảo hiểm xã hội thành phố D; là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 04/4/2024), có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC LAO ĐỘNG:

Theo Đơn yêu cầu đề ngày 04-3-2024 và lời khai trong quá trình tố tụng, bà Ngô Thị T trình bày:

Bà bắt đầu đi làm và tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế tại Công ty Đ tại khu công nghiệp T, thành phố D từ khoảng tháng 01 đến tháng 6 năm 2009. Từ tháng 10/2009 bà chuyển qua làm việc tại Công ty TNHH O, địa chỉ số B đường D, khu công nghiệp S, phường T, thành phố D và được công ty tham gia bảo hiểm theo mã số 7409291913. Bà làm công nhân, thời gian làm việc từ 07 giờ 30 sáng đến 16 giờ chiều, thỉnh thoảng có tăng ca. Bà làm việc toàn thời gian ở Công ty O cho đến nay, ngoài ra không làm việc ở Công ty, doanh nghiệp nào khác. Bà có giữ sổ Bảo hiểm xã hội trong đó được Công ty O đóng bảo hiểm.

Bà có em ruột là Ngô Thị T1. Khoảng tháng 12/2008 em T1 bắt đầu vào D mong muốn tìm việc làm thêm, tuy nhiên do lúc này chưa đủ 18 tuổi chưa thể nộp hồ sơ làm việc. T1 có mượn của bà chứng minh nhân dân số 162967175 do Công an tỉnh N cấp, đồng thời mượn cả hồ sơ sơ yếu lý lịch của bà để xin việc. T1 tự đến Công ty TNHH C1 để xin việc làm, sau khi nộp hồ sơ thì được Công ty gọi vào làm việc, ký hợp đồng lao động tuy nhiên đã lâu nên không nhớ rõ ngày tháng hợp đồng. Người trực tiếp ký hợp đồng với Công ty TNHH C1 là T1 chứ không phải bà, tuy nhiên toàn bộ hồ sơ giấy tờ đứng tên bà. T1 làm việc tại Công ty TNHH C1 với công việc là công nhân may từ tháng 12/2008 đến tháng 6/2009. Từ tháng 07/2009 T1 báo trước mấy ngày và tự nghỉ việc.

Do thời điểm năm 2008, 2009 hoàn cảnh khó khăn nên bà chỉ nghĩ cho em T1 mượn giấy tờ để có công việc làm, có thu nhập, ngoài ra không nhằm mục đích gì khác. Thời điểm này cũng có nhiều người cho mượn giấy tờ nên bà cũng không nghĩ sẽ dẫn đến trùng bảo hiểm như hôm nay. Bà chỉ cho T1 mượn chứng minh để làm việc ở Công ty TNHH C1 thời gian từ tháng 12/2008 đến tháng 6/2009, ngoài ra không cho ai mượn thời gian nào khác.

Từ tháng 7/2023 bà được Bảo hiểm xã hội báo bị trùng bảo hiểm vào khoảng thời gian bà cho em T1 mượn chứng minh từ tháng 12/2008 đến tháng 6/2009, sau này nếu bị trùng sẽ không giải quyết được chế độ bảo hiểm. Nay bà làm đơn yêu cầu Tòa án xem xét tuyên vô hiệu hợp đồng lao động đứng tên bà (do em Ngô Thị T1 ký) với Công ty TNHH C1. Mục đích: để khôi phục đúng thông tin làm việc thực tế, có căn cứ liên hệ cơ quan bảo hiểm giảm trừ thời gian trùng bảo hiểm cho bà.

Bà chưa hưởng chế độ bảo hiểm gì của khoảng thời gian em T1 tham gia bảo hiểm tại Công ty TNHH C1. Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu do quan hệ lao động thực tế giữa T1 và Công ty TNHH C1 đã chấm dứt, đối với các chế độ bảo hiểm thì cơ quan có thẩm quyền sẽ giải quyết sau khi Tòa án tuyên vô hiệu hợp đồng theo quy định, không yêu cầu Tòa án xem xét.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 09-4-2024, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Ngô Thị T1 trình bày:

Bà là em ruột của bà Ngô Thị T. Bà bắt đầu vào D và xin việc từ năm 2008. Do thời điểm này bà chưa đủ 18 tuổi nên không thể xin việc ở các công ty nên bà có hỏi mượn chứng minh nhân dân của chị T để làm hồ sơ nộp vào công ty, chị T đồng ý cho bà mượn chứng minh nhân dân số 162967175 do Công an tỉnh N cấp cho Ngô Thị T. Sau khi mượn chứng minh và làm đầy đủ hồ sơ thì bà nộp hồ sơ xin việc ở Công ty TNHH C1, địa chỉ: Khu công nghiệp S, thành phố D, tỉnh Bình Dương để xin việc làm, sau đó được Công ty gọi vào làm việc, ký hợp đồng lao động. Do đã lâu nên bà không nhớ rõ ngày tháng hợp đồng, cũng không giữ bản hợp đồng nào. Người trực tiếp ký hợp đồng với công ty C1 là bà chứ không phải chị T, tuy nhiên toàn bộ hồ sơ giấy tờ đứng tên chị T. Bà trực tiếp làm việc ở Công ty C1 với vị trí là công nhân may. Tới tháng 7/2009 bà bỏ việc ở Công ty C1, không làm thủ tục xin nghỉ việc. Trong thời gian làm việc ở Công ty thì bà cũng không rõ Công ty có đóng bảo hiểm cho bà (dưới tên chị T) hay không do bà chỉ làm việc tạm thời nên không quan tâm. Hàng tháng bà chỉ nhận lương (không nhớ rõ lương cụ thể ra sao), ngoài ra không nhận chế độ bảo hiểm nào khác ở công ty, cũng không giữ sổ bảo hiểm xã hội. Hiện bà ở nhà chăm sóc gia đình, không đi làm và cũng không đóng bảo hiểm xã hội. Mục đích bà mượn giấy tờ để có công việc làm, có thu nhập, ngoài ra không nhằm mục đích gì khác.

Nay chị T yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động giữ chị T và Công ty C1 vô hiệu do bà mới là người ký kết hợp đồng và làm việc trực tiếp ở Công ty C1 thì bà đồng ý do hoàn toàn đúng với thực tế. Đề nghị Tòa án giải quyết cho chị T để chị T được giải quyết các chế độ bảo hiểm theo quy định. Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu do quan hệ lao động thực tế giữa bà và Công ty C1 đã chấm dứt, không yêu cầu được hưởng tiền bảo hiểm trong thời gian làm việc tại Công ty C1 cũng như không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề gì khác trong vụ án.

Tại Bản tự khai ngày 08-4-2024, người đại diện hợp pháp của Công ty TNHH C1 là bà Ngô Thị C trình bày:

Theo dữ liệu Công ty TNHH C1 (sau đây gọi tắt là Công ty C1) còn lưu trữ thì Bà Ngô Thị T được nhận vào làm việc tại Công ty từ ngày 24 tháng 10 năm 2008, có mã nhân viên: II-841, Chức vụ: công nhân may, ký hợp đồng lao động chính thức vào ngày 24 tháng 11 năm 2008. Công ty đã trả lương và đóng BHXH theo đúng quy định, đã được cơ quan BHXH chấp nhận và cấp sổ BHXH số: 7408326904, Công ty đã tham gia BHXH cho bà T từ tháng 12/2008 đến tháng 06/2009. Tháng 07/2009 người này đã nghỉ việc tại Công ty.

Tòa án yêu cầu Công ty C1 cung cấp tài liệu có liên quan đến người lao động Ngô Thị T, tuy nhiên vì thời gian người lao động này nghỉ việc quá lâu rồi (trên 15 năm) nên công ty không còn lưu giữ hồ sơ nữa, không có hồ sơ để cung cấp cho Tòa án được. Thời điểm này Công ty C1 đang trả lương cho người lao động bằng tiền mặt nên không có thông tin số tài khoản nhận lương của người lao động.

Tất cả người lao động khi xin việc tại Công ty đều phải có hồ sơ xin việc, sơ yếu lý lịch đầy đủ, có xác nhận của chính quyền địa phương thì mới được nhận vào làm việc. Công ty rất đông công nhân vì vậy không thể không có sai sót trong quá trình kiểm tra hồ sơ tuyển dụng. Vì vậy, Công ty C1 không hề biết bà Ngô Thị T đã cho em gái mình tên là Ngô Thị T1 mượn hồ sơ của mình để vào làm việc tại công ty. Đây hoàn toàn là lỗi của bà T và bà T1.

Nay bà T yêu cầu Toà án tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà T và Công ty TNHH C1 vô hiệu thì Công ty C1 không có ý kiến gì, đề nghị Toà án căn cứ theo quy định của pháp luật để giải quyết. Trường hợp Toà án tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu thì Công ty TNHH C1 không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu, đồng thời không có yêu cầu gì trong vụ án.

Tại Bản tự khai ngày 01-4-2024, người đại diện hợp pháp của Bảo hiểm xã hội thành phố D là ông Dương Văn T2 trình bày:

Qua kiểm tra đối chiếu dữ liệu tham gia BHXH, bảo hiểm y tế (BHYT), bảo hiểm thất nghiệp (BHTN) của Công ty TNHH C1 cho người lao động thì Công ty TNHH C1 có tham gia BHXH, BHYT, BHTN cho bà Ngô Thị T, sinh năm 1990, số CMND 162967175, với mã số BHXH 7408326904 từ tháng 12/2008 đến tháng 6/2009 chưa nhận trợ cấp BHXH và BHTN. Ngoài ra bà Ngô Thị T còn có mã số 7409008075 tham gia BHXH từ tháng 01/2009 đến tháng 6/2009 tại Công ty Đ. Về hợp đồng lao động, giấy tờ tùy thân của bà Ngô Thị T, BHXH thành phố D không lưu trữ những hồ sơ này.

Bảo hiểm xã hội thành phố D không có ý kiến gì đối với yêu cầu của bà Ngô Thị T, đề nghị Toà án xem xét giải quyết theo đúng quy định của pháp luật.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên họp: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết việc lao động đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 361, 401, 402 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Thẩm phán chủ tọa, Thư ký phiên họp đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng và đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung việc lao động: Sau khi xem xét các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, kết quả phiên họp, căn cứ Điều 9 Bộ luật Lao động năm 1994; Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2005, xét thấy có cơ sở chấp nhận yêu cầu của bà Ngô Thị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Người yêu cầu giải quyết việc lao động là bà Ngô Thị T và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên họp đồng thời có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung: Quá trình tố tụng các đương sự khai thống nhất: trong thời gian từ tháng 12/2008 đến tháng 6/2009, người lao động tên Ngô Thị T, sinh năm 1990, số chứng minh nhân dân 162967175 được Công ty TNHH C1 tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp với mã số là 7408326904. Quan hệ lao động giữa Công ty TNHH C1 và bà Ngô Thị T phát sinh từ hợp đồng

lao động ngày 24/11/2008. Tuy nhiên, bà Ngô Thị T và bà Ngô Thị T1 thừa nhận người ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH C1 và thực tế làm việc tại Công ty TNHH C1 trong khoảng thời gian từ tháng 12/2008 đến tháng 6/2009 theo hợp đồng lao động là bà Ngô Thị T1 chứ không phải là bà Ngô Thị T do bà T1 mượn chứng minh nhân dân, giấy tờ của bà T để đi làm việc. Đối với bà T trong thời gian này đang thực tế làm việc tại Công ty Đ. Mục đích mượn giấy tờ là để bà T3 việc làm chứ không nhằm mục đích gì khác. Trình bày của bà T và bà T1 phù hợp với hồ sơ bảo hiểm xã hội thể hiện trong thời gian từ tháng 01/2009 đến tháng 6/2009 bà Ngô Thị T có quá trình tham gia bảo hiểm xã hội liên tục tại Công ty Đ, thực tế có việc đóng trùng bảo hiểm trong khoảng thời gian này. Xét thấy việc bà T1 lấy tên bà T để giao kết hợp đồng lao động là hành vi lừa dối về mặt chủ thể khi xác lập giao dịch dân sự, vi phạm nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, hợp tác, tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của nhau khi xác lập quan hệ lao động theo quy định tại Điều 9 Bộ luật Lao động năm 1994, sửa đổi bổ sung năm 2006. Do đó việc bà Ngô Thị T yêu cầu tuyên vô hiệu hợp đồng lao động giao kết giữa bà T (do bà T1 mượn tên) với Công ty TNHH C1 là có căn cứ theo quy định tại Điều 127, Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2005, các đương sự khác cũng thống nhất, không có tranh chấp. Về hậu quả của hợp đồng vô hiệu: các đương sự xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Sau khi Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật, người lao động có quyền liên hệ cơ quan Bảo hiểm xã hội để được giải quyết các chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định.

[3] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An là phù hợp nên chấp nhận.

[4] Về lệ phí giải quyết việc lao động: Bà Ngô Thị T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 33, điểm d khoản 2 Điều 35, các Điều 149, 361, 367, 370, 371, 372 và Điều 401, 402 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 127, 132 Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ Điều 9 Bộ luật Lao động năm 1994, sửa đổi bổ sung năm 2006;

Căn cứ khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Ngô Thị T về việc tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu.

Tuyên bố hợp đồng lao động ngày 24/11/2008 giữa bà Ngô Thị T và Công ty TNHH C1 (thời gian đóng bảo hiểm xã hội từ tháng 12/2008 đến tháng 6/2009) vô hiệu.

Các bên có quyền và nghĩa vụ liên hệ cơ quan có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục liên quan đến bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc lao động: Bà Ngô Thị T chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ toàn bộ vào số tiền tạm ứng lệ phí bà T đã nộp theo biên lai thu tiền số 0004566 ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố, tỉnh Bình Dương.

Người yêu cầu giải quyết việc lao động, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo quyết định trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết hợp lệ. Viện Kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND thành phố Dĩ An;
- CCTHADS thành phố Dĩ An;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- Lưu hồ sơ;

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Nguyễn Thị Ngân